CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN QUY NHƠN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN QUY NHƠN
DN: E=dqlinh_sqc@yahoo.com, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN QUY NHƠN, G=NGÔ TRUNG LĨNH, O=MST: 4100624513, L="Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định", C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-04-13 15:57:29

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 201

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN (SQC)

I. TÓM LƯỢC LỊCH SỬ, HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Sài Gòn – Quy Nhơn được thành lập ngày 11/12/2006 theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số: 353031000005 Do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp. Giấy phép kinh doanh số 4100624513 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 03/02/2016

Từ mức vốn điều lệ ban đầu 10 tỷ đồng, sau gần 07 năm hoạt động, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng (vốn thực góp đạt 1.100 tỷ đồng), mục tiêu phấn đấu trở thành công ty khoáng sản hàng đầu Việt Nam.

Các mốc quan trọng trong quá trình phát triển của SQC:

- Tháng 12/2006: Chế tạo và vận hành những bè khai thác quặng titan thô đầu tiên

- Tháng 01/2007: bắt đầu san lấp mặt bằng KCN Nhơn Hội A

- Tháng 06/2007: Khởi công xây dựng tòa nhá văn phòng và khu nhà xưởng cho thuê tại KCN Nhơn Hội A.

- Tháng 01/2008: UBND tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án: Nhà máy sản xuất xỉ Titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Tháng 03/2008: UBND tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp chế biến sâu Titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Ngày 15/03/2008: Khởi công xây dựng nhà máy xỉ titan trên diện tích 10ha tại cụm công nghiệp chế biến sâu Titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Tháng 05/2008: Khánh thành nhà văn phòng và khu nhà xưởng cho thuê tại KCN Nhơn Hội A.

- Ngày 08/05/2009: Vân hành lò số 1 cho ra đời mẻ xỉ đầu tiên, thành công hơn dự kiến.

- Ngày 25/05/2009: Vận hành lò số 2 thành công tốt đẹp.

- Ngày 24/07/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất xỉ Titan, đánh dấu sự kiện nhà máy xỉ hiện đại nhất Việt Nam đã đi vào hoạt động.

- Tháng 11/2011: Vận hành lò số 3 thành công, nâng tổng công suất thiết kế lên 36,000 tấn xỉ + gang/năm.

- Năm 2012: Đầu tư, nâng cấp toàn diện hệ thống nhà xưởng và nhà máy xỉ.

2. **Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của SQC:**

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Nội dung thay đổi
Lần 1	Tháng 12/2006	10.000.000.000	Vốn điều lệ ban đầu
Lần 2	Tháng 04/2007	30.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 3	Tháng 12/2007	79.500.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 4	Tháng 12/2008	95.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 5	Tháng 05/2009	200.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 6	Tháng 10/2009	540.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 7	Tháng 11/2009	1.000.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 8	Tháng 03/2011	1.000.000.000.000	Điều chỉnh dự án trong Giấy CNĐT
Lần 9	Tháng 01/2012	1.100.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ

3. Thông tin chung về công ty:

Tên công ty:	**Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Sài Gòn – Quy Nhơn.**
Tên Giao dịch đối ngoại:	**Sai Gon – Quy Nhon Mining Corporation.**
Tên Viết tắt:	**SQC**
Vốn điều lệ đăng ký:	1.200.000.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng)
Trụ sở chính:	Lô B6, đường số 5, KCN Nhơn Hội A, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Điện thoại:	0563.824951
Fax:	0563.824962
Website:	www.sqcmining.com; www.sqcmining.vn
Thời gian hoạt động:	50 năm kể từ ngày cấp phép
Giấy chứng nhận đầu tư:	Số 353031000005 Do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2012.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Khai thác , chế biến, mua bán quặng titan và các sản phẩm hậu titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị, và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật);

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông;
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét, cao lanh;
- Kinh doanh các ngành nghề trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật.

Logo của công ty:

SAIGON QUYNHON MINING CORP.

II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017:

Năm 2017, tình hình thị trường có tiến triển nhưng chưa mạnh.

SQC vẫn tiếp tục khó khăn nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy xỉ. Nguồn nguyên liệu tự khai thác của SQC đã hết và vẫn chưa được phê duyệt cấp mỏ nguyên liệu mới.

Bên cạnh đó, giá cả cũng chưa phục hồi nên công ty không thể bán hàng theo đúng kế hoạch. Công ty chỉ xuất khẩu một phần hàng tồn kho.

Với các yếu tố trên nên Ban lãnh đạo SQC vẫn chưa có quyết định khởi động lại nhà máy xỉ. Và các kế hoạch đề ra trong năm 2017 không thực hiện được. Tuy nhiên, với sự cố gắng phấn đấu của Ban lãnh đạo vẫn cố gắng duy trì lực lượng CBCNV nòng cốt, vẫn tiếp tục chính sách nghiên cứu để phát triển nâng cao chất lượng của sản phẩm. SQC vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ với người lao động, nhà nước, thực hiện tốt công tác môi trường.

Công ty cũng vẫn còn gánh chịu chi phí khấu hao do ngừng sản xuất.

Năm 2017 doanh thu bán hàng tăng 3,39 % so với năm 2016. Chi phí quản lý giảm 51,5% từ 9,3 tỷ đồng còn 4,5 tỷ đồng. Mức lỗ của năm 2017 đã giảm so với năm 2016 là 64,59%. Năm 2017 Công ty tiếp tục tạm ngưng sản xuất nhưng vẫn phải gánh chịu khoản chi phí cố định lớn là chi phí khấu hao TSCĐ hơn 21 tỷ đồng đây là nguyên nhân lớn dẫn đến lỗ năm 2017.

BGĐ Công ty đã cắt giảm mạnh toàn bộ các chi phí hoạt động năm 2017: Chi phí quản lý từ 9,3 tỷ đồng xuống còn 4,5 tỷ đồng (giảm 51,5%). Chi phí lãi vay không phát sinh. Mức lỗ năm 2017 tiếp tục giảm so với năm 2016 (giảm 64,59%).

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/Giảm
Doanh thu thuần bán hàng hoá và dịch vụ	95.651	92.512	3,39 %
Doanh thu tài chính	543	314	72,93 %
Thu nhập khác	2.142	17.226	-87,56 %
Tổng Doanh thu và Thu nhập khác	98.336	110.052	-10,64 %
Tổng lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	(18.361)	(56.668)	64,59 %
Lãi/(lỗ) cơ bản/cổ phiếu (VND/cp)	(171)	(528)	67,61 %

2. Tình hình đầu tư:

Trong năm 2017, HĐQT và BGĐ không thay đổi cơ cấu đầu tư vì chưa có cơ hội tốt.

3. Đánh giá tình hình hoạt động:

Do tình hình thị trường vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc, giá xỉ và zircon thế giới vẫn tiếp tục giảm, nhu cầu vẫn chậm làm cho việc xúc tiến bán hàng gặp nhiều khó khăn. Dự báo từ thị trường titan thế giới dự báo sẽ hồi phục về giá và sản lượng từ quý 4 năm 2018.

4. KẾ HOẠCH NĂM 2018

Kế hoạch bán hết sản lượng xỉ tồn kho và thu hồi cơ cấu các khoản đầu tư và tài sản dài hạn. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 để trình Đại hội Cổ đông phê duyệt như sau:

Chỉ tiêu	KH 2017	TH 2017	KH 2018	%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	1.100.000	1.100.000	1.100.000	100%
Doanh thu (triệu đồng)	143.832	95.651	80.036	66,5%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.073	(18.361)	1.111	1.711%
Tỉ lệ LN sau thuế / Doanh thu (%)	0,7%	(19,2%)	1.87%	
LN / Vốn đầu tư chủ sở hữu	0,1%	(1,67%)	0,11%	

4.1 Kế hoạch Sản xuất:

Cân đối sản lượng xỉ các loại theo đơn hàng xuất khẩu, sản lượng gang trắng, Zircon, Rutile, Monazite… tránh tình trạng tồn kho cao.

4.2 Kế hoạch tái cơ cấu các khoản đầu tư:

Công ty sẽ trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch tiếp tục tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính, liên kết kinh doanh và chuyển nhượng các tài sản dài hạn để thu hồi vốn trong năm 2018.

4.3 Các chương trình xã hội khác:

Hoàn tất 100% các nghĩa vụ thuế, đóng góp các khoản hỗ trợ, cùng chính quyền địa phương chăm lo cho người dân nghèo, khó khăn…

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
SÀI GÒN - QUY NHƠN

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-31

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập: Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100624513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 03/02/2016.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm hậu Titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...).
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;

Mã chứng khoán niêm yết: SQC

Trụ sở chính: Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà	Huỳnh Thị Ngọc Lan	Chủ tịch	
Bà	Hoàng Thị Kim Hiên	Thành viên HĐQT	
Ông	Ngô Trung Lĩnh	Thành viên HĐQT	
Bà	Trần Thị Lan Anh	Thành viên HĐQT	
Ông	Trần Ngọc Hân	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/04/2017

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Ngọc Cát Tường	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà	Dư Ngọc Mỹ Loan	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28/04/2017
Ông	Trần Ngọc Hân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28/04/2017
Bà	Cao Thị Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2017
Bà	Trần Thị Huyền Trân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan — Tổng Giám Đốc

Kế toán trưởng

Ông Kiều Thanh Tuấn — Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp Quy Nhơn, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 4100624... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN-QUY NHƠN T.P QUY NHƠN-T.BÌNH ĐỊNH

Huỳnh Thị Ngọc Lan

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

INPACT ASIA PACIFIC

Số: B0517187-R/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi : **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn - Quy Nhơn, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2018, từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn - Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TOÁN VIÊN
PHẠM VĂN VINH	**TRẦN HẢI SƠN**
Số GCNĐKHNKT: 0112-2018-005-1	*Số GCNĐKHNKT: 2172-2018-005-1*
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp	*Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**111.755.884.213**	**171.939.360.928**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**27.712.217.104**	**515.941.904**
1. Tiền	111		27.412.217.104	215.941.904
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**8.165.697.805**	**15.862.235.100**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.053.866.320	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	30.000.000	13.082.278.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	81.831.485	2.779.956.600
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.5**	**74.149.254.547**	**154.165.029.782**
1. Hàng tồn kho	141		74.149.254.547	159.249.224.668
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(5.084.194.886)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.728.714.757**	**1.396.154.142**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	746.524.889	757.452.667
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		498.027.088	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	484.162.780	638.701.475
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**783.892.310.005**	**811.412.556.201**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**62.317.961.850**	**83.367.796.233**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	62.317.961.850	83.367.796.233
- Nguyên giá	*222*		*266.889.195.550*	*266.998.885.497*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(204.571.233.700)*	*(183.631.089.264)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*	V.8	*73.876.000*	*73.876.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(73.876.000)*	*(73.876.000)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**V.6**	**8.719.105.597**	**9.053.995.466**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.719.105.597	9.053.995.466
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.10**	**699.279.383.253**	**705.463.698.659**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		648.950.000.000	648.950.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		65.800.000.000	65.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.470.616.747)	(9.286.301.341)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**13.575.859.305**	**13.527.065.843**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	11.818.106.417	11.769.312.955
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.757.752.888	1.757.752.888
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**895.648.194.218**	**983.351.917.129**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**67.283.230.358**	**136.625.253.297**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**67.283.230.358**	**136.625.253.297**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	42.880.862.818	95.547.340.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	515.665.778
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.753.840	10.519.974.762
4. Phải trả người lao động	314		135.823.350	128.160.182
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	24.262.790.350	29.914.112.485
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**828.364.963.860**	**846.726.663.832**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.14**	**828.364.963.860**	**846.726.663.832**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(209.430.975.950)	(209.430.975.950)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(67.204.060.190)	(48.842.360.218)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(48.842.360.218)	7.825.790.437
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(18.361.699.972)	(56.668.150.655)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**895.648.194.218**	**983.351.917.129**

Tp Quy Nhơn, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Người lập và Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kiều Thanh Tuấn	Huỳnh Thị Ngọc Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	95.650.841.237	92.512.244.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.650.841.237	92.512.244.125
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	99.609.127.695	151.728.898.423
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**(3.958.286.458)**	**(59.216.654.298)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	543.358.805	314.460.744
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.198.375.004	1.626.276.942
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*1.406.300.891*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.959.491.434	3.804.647.795
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.518.498.734	9.325.216.627
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**(20.091.292.825)**	**(73.658.334.918)**
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.141.820.264	17.226.151.029
12. Chi phí khác	32	VI.7	412.227.411	160.632.396
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**1.729.592.853**	**17.065.518.633**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(18.361.699.972)**	**(56.592.816.286)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	75.334.369
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**(18.361.699.972)**	**(56.668.150.655)**
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.8**	**(171)**	**(528)**
19. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.9**	**(171)**	**(528)**

Tp Quy Nhơn, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Người lập và Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kiều Thanh Tuấn	Huỳnh Thị Ngọc Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**(18.361.699.972)**	**(56.592.816.286)**
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	21.049.834.383	28.714.508.191
- Các khoản dự phòng	03	VI.2, 4	1.100.120.520	(22.549.199.324)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.344.589	(215.786.825)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(412.854.958)	(3.792.351.203)
- Chi phí lãi vay	06		-	1.406.300.891
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(75.334.369)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**3.380.744.562**	**(53.104.678.925)**
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		7.517.646.408	(12.614.415.058)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		85.099.970.121	60.190.764.198
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(69.342.022.939)	(153.764.628.837)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(37.865.684)	187.147.276.526
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.417.192.284)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**26.618.472.468**	**26.437.125.620**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		170.500.000	4.560.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		407.354.958	20.039.134
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**577.854.958**	**4.580.039.134**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(34.614.709.368)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	**(34.614.709.368)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	**50**		**27.196.327.426**	**(3.597.544.614)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**515.941.904**	**4.113.403.301**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(52.226)	83.217
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1**	**27.712.217.104**	**515.941.904**

Tp Quy Nhơn, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Người lập và Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kiều Thanh Tuấn	Huỳnh Thị Ngọc Lan

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353031000005 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2012.

Tên tiếng Anh: Sai Gon - Quy Nhon Mining Corporation.

Tên viết tắt: SQC

Mã chứng khoán: SQC

Trụ sở chính: Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm hậu Titan.

3. Hoạt động chính của Công ty:

- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm hậu Titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống …).
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Do nguồn quặng nguyên liệu cung cấp cho hoạt động chế biến sâu titan bị thiếu hụt nghiêm trọng và giá thị trường titan giảm mạnh, Công ty đã tạm ngưng hoạt động của Nhà máy Xỉ Titan Mỹ Thành - Thôn Hòa Hội Nhơn, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định kể từ ngày 25/12/2013 cho đến khi giải quyết được nhu cầu quặng thô nguyên liệu cho Nhà máy, đồng thời, Công ty cũng đang trong giai đoạn chờ đợi sự phục hồi của thị trường titan.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 20 nhân viên. (Ngày 31/12/2016: 19 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	*Hoạt động chính*	*Vốn điều lệ*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn - Số 10 Cô Giang Quận 1 Tp.HCM	Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính viễn thông	1.203.917.290.000	22,04%	22,04%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ của các giao dịch bằng ngoại tệ (mua bán ngoại tệ, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng BIDV. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.665VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng BIDV. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.735 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động